

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

.....

**LÊ TRẦN PHƯƠNG ĐÌNH**

**HOẠT ĐỘNG MÙA SINH  
CỦA NGƯỜI VIỆT TẠI BÃI XÉP,  
PHÚ QUỐC**

**Luận văn Thạc sĩ  
Chuyên ngành: VIỆT NAM HỌC**

**Thành Phố Hồ Chí Minh – Năm 2019**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>1. Lý do chọn đề tài .....</b>	<b>1</b>
<b>2. Mục đích nghiên cứu.....</b>	<b>3</b>
<b>3. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.....</b>	<b>4</b>
<b>4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....</b>	<b>10</b>
<b>5. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu .....</b>	<b>11</b>
<b>6. Phương pháp nghiên cứu.....</b>	<b>13</b>
<b>7. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề tài.....</b>	<b>16</b>
<b>8. Bố cục của luận văn.....</b>	<b>17</b>
<b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ TỔNG QUAN ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU .....</b>	<b>18</b>
<b>1.1. Cơ sở lý luận .....</b>	<b>18</b>
<b>1.1.1. Một số khái niệm cơ bản.....</b>	<b>18</b>
<b>1.1.2. Lý thuyết tiếp cận và quan điểm học thuật .....</b>	<b>23</b>
<b>1.2. Tổng quan địa bàn nghiên cứu .....</b>	<b>27</b>
<b>1.2.1. Quá trình hình thành cộng đồng dân cư.....</b>	<b>30</b>
<b>1.2.2. Nghề biển tại Bãi Xếp .....</b>	<b>34</b>
<b>Tiểu kết chương 1 .....</b>	<b>39</b>
<b>CHƯƠNG 2: HOẠT ĐỘNG MƯƠI SINH CỦA CƯ DÂN LÀNG CHÀI BÃI XẾP .....</b>	<b>41</b>
<b>2.1. Nghề đánh bắt, khai thác thủy hải sản.....</b>	<b>41</b>
<b>2.1.1. Nghề câu .....</b>	<b>41</b>
<b>2.1.2. Nghề lưới, mảnh .....</b>	<b>49</b>
<b>2.1.3. Nghề lặn.....</b>	<b>59</b>

2.1.4. Nghề nuôi hải sản lồng bè.....	63
2.2. Nghề thủ công .....	67
2.2.1. Nghề đóng và sửa chữa ghe tàu .....	67
2.2.2. Nghề sản xuất ngư cụ.....	72
2.2.3. Nghề chế biến thực phẩm từ thủy hải sản.....	74
2.3. Dịch vụ du lịch biển.....	83
Tiểu kết chương 2 .....	86
<b>CHƯƠNG 3: TÍN NGƯỠNG VÀ TỔ CHỨC XÃ HỘI TRONG NGHỀ BIỂN</b>	
<b>CỦA CƯ DÂN BÃI XẾP .....</b>	<b>88</b>
3.1. Tín ngưỡng trong nghề biển của cư dân .....	88
3.1.1. Tục thờ cúng cá Ông .....	89
3.1.2. Tín ngưỡng thờ Bà Cậu .....	100
3.1.3. Kiêng kỵ trong nghề biển ở Bãi Xếp .....	103
3.2. Đời sống xã hội của cư dân.....	111
3.2.1. Tổ chức vạn Bãi Xếp .....	111
3.2.2. Các mối quan hệ xã hội trong nghề biển.....	113
3.3. Duy trì nghề cá trong việc thích nghi với môi trường xã hội.....	123
Tiểu kết chương 3 .....	126
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>128</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	
<b>PHỤ LỤC BIÊN BẢN PHỎNG VẤN</b>	
<b>PHỤ LỤC HÌNH ẢNH</b>	

### **CHƯƠNG 3: TÍN NGƯỠNG VÀ TỔ CHỨC XÃ HỘI TRONG NGHỀ BIỂN CỦA CƯ DÂN BÃI XÉP**

Cùng với các hoạt động kinh tế, những đặc trưng về yếu tố biển trong việc thích nghi của cư dân làng chài bãi Xếp còn được thể hiện qua đời sống tâm linh và việc hình thành, phát triển những tổ chức xã hội và nghề nghiệp, điều đó đã phản ánh quá trình ứng xử phù hợp với môi trường và hoạt động mưu sinh.

Là địa bàn có cộng đồng dân cư đa vùng miền đến sinh sống từ lâu đã hình thành những nét văn hóa đặc trưng. Tuy nhiên với những đổi thay đang diễn ra hằng ngày tại vùng biển đang có sự chuyển mình mạnh mẽ như Phú Quốc tất yếu sẽ có những sự biến đổi ảnh hưởng đến đời sống của cư dân trong mọi khía cạnh. Tuy vẫn còn giữ được những nét riêng biệt nhưng tác động của các yếu tố trong bối cảnh hiện nay đã dẫn đến sự biến đổi trong đời sống văn hóa, xã hội của cư dân làng chài bãi Xếp.

#### **3.1. Tín ngưỡng trong nghề biển của cư dân**

Bãi Xếp là một làng chài thuộc vùng biển đảo Phú Quốc, việc cư dân làm nghề biển tại đây tuy đã giảm do những tác động của việc quy hoạch, phát triển dịch vụ du lịch và cơ sở hạ tầng, ngư dân đang có dấu hiệu dần bỏ biển vì nhiều nguyên nhân<sup>33</sup>. Tuy nhiên không thể phủ nhận một điều là nghề biển chưa bị mất đi, không hẳn vì nghề này cho công việc và thu nhập tốt mà cư dân cho rằng chẳng có nghề nào phù hợp hơn với họ, trong quá khứ, một trong những nguyên nhân dẫn tới sự việc cư dân từ các vùng miền

---

<sup>33</sup> Ngay thời điểm khảo sát của tác giả, có rất nhiều ngư dân ngày xưa đã chuyển qua làm công nhân cho các công trình đang được xây dựng ở khu vực An Thới như Sun World, J.W Marriott, Sun Premier Villa,... Số khác nghỉ nghề biển không phải do chuyển đổi nghề mà họ có đất đai của gia đình để lại được đền bù hoặc bán với số tiền lớn, họ không muốn làm nghề biển cực nhọc nữa mà chuyển sang đầu tư kinh doanh các lĩnh vực khác, đa số là dịch vụ.

khác đồ về Bãi Xếp sinh sống là do nhu cầu muốn duy trì và tiếp tục công việc đánh bắt cũ tại ngư trường mới Phú Quốc. Với đặc điểm về vị trí địa lý, cư dân nơi đây chuyên làm nghề biển nên việc gặp bất trắc rủi ro là không thể tránh khỏi, tín ngưỡng dân gian nơi đây mang đậm nét đặc trưng của văn hóa vùng biển và gắn liền chặt chẽ với việc thích nghi và mưu sinh của cư dân nơi đây.

### **3.1.1. Tục thờ cúng cá Ông**

Tục thờ cá Ông tại Phú Quốc xuất hiện từ khi có dấu chân của lưu dân người Việt từ vùng biển miền Trung đến sinh sống. Cá Ông (cá voi) vốn là một loài sinh vật biển có thân hình to lớn thường có tập tính cứu giúp tàu bè của cư dân khi gặp nạn trên biển, vì thế Ông được tôn kính, thờ cúng và có một vị trí quan trọng trong nhận thức của cư dân vùng biển. Tác giả Trương Thanh Hùng khi nghiên cứu về văn hóa dân gian đảo Phú Quốc có đoạn:

Tục thờ cá Ông đến Phú Quốc cùng với lưu dân của người Việt từ những ngày đầu khai mở... Riêng đối với cá Ông, không những đó là loại cá lớn nhất trong đại dương mà cá Ông còn là người bạn, che chở cho ngư dân trong những lúc sóng to, gió lớn. Những lúc như thế người nào may mắn sẽ được cá Ông nổi lên cho ghe thuyền dựa vào mà di chuyển đến nơi an toàn. (Văn hóa dân gian huyện đảo Phú Quốc và Lý Sơn, 2012, tr.91)

Trong thời phong kiến dưới triều Nguyễn được sắc phong thần hiệu là “Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân tôn thần”, và được gọi bằng nhiều tên khác nhau như cá Ông, Ông Nam Hải, Nam Hải Đại Tướng Quân, Ông Lớn, Nhân Ngư...

Cá Ông được nhắc tới với cái tên Đức Ngư trong Đại Nam nhất thống chí như sau: Đức Ngư đầu tròn, trên trán có lỗ phun nước sắc đen, nhẵn nhụi, không vảy, đuôi chẻ ra như đuôi tôm, tính hiền lành hay cứu người. Đầu đời Minh Mệnh cho tên là Nhân Ngư, đầu đời Tự Đức cho đổi tên như hiện nay. Con nào ở biển Nam thì có linh tính, ở biển khác thì không. Tục truyền, long diên hương là do nước dãi của cá này kết lại, chưa rõ có đúng thế không. (Đại Nam nhất thống chí, 2006, tập 5, Bản dịch Viện Sử học, tr. 489).

Căn cứ theo thần thoại của người Chăm có thể lý giải tục thờ cá Ông là biểu hiện của giao lưu văn hóa ở việc tiếp nhận văn hóa Chăm của người Việt trong quá trình Nam tiến, cá Ông là thần sóng biển Po Riyak – Ja Aih Wa trong thần thoại của người Chăm.

Tác giả Lê Quang Nghiêm (1970) lý giải:

Khi xưa dân Việt Nam còn sống ở miền Bắc, chưa tràn xuống biển Nam, thì chịu ảnh hưởng của lễ giáo, văn hóa Tàu không tôn thờ cá Ông vì người Tàu không có tục thờ này. Ngư phủ ở đảo Hải Nam và Nam Trung Hoa chuyên nghề săn cá Ông. Đến khi dân Việt Nam di cư vào đất Chiêm Thành thì chịu ảnh hưởng của đất Chiêm Thành, mới có tục thờ cá voi. (tr.48)

Trong dân gian có câu “Tại Nam vi thần, Bắc Hải vi ngư” để chỉ sự khác nhau trong việc thể hiện lòng tôn kính của ngư dân đối với cá Ông. Tuy nhiên tác giả Lê Văn Kỳ (2015) cho rằng điều này không hoàn toàn đúng và chưa đủ cơ sở tin cậy: “Tuy không nhiều nhưng thực tế thì ở miền Bắc cũng có một số nơi thờ cá voi như Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh,…” (tr.259)

Có thể nói tục thờ cá ông ở Phú Quốc nói riêng và Nam bộ nói chung đã có từ lâu đời từ khi người có người Việt đặt chân đến sinh sống. Tuy nhiên, Tín ngưỡng thờ cá Ông trở nên quan trọng và phổ biến rộng rãi trong đời sống tâm linh của ngư dân dựa theo ghi chép lại là từ thời nhà Nguyễn. Có truyền thuyết kể về quá trình bôn tẩu của Nguyễn Ánh trong lúc chạy trốn sự truy đuổi của nhà Tây Sơn đã được cá Ông cứu thoát nạn trên biển. Sau năm 1802, các triều vua Nguyễn đã đặc biệt quan tâm và xem trọng tín ngưỡng thờ cá Ông ở Nam bộ nói chung và Phú Quốc nói riêng.

#### **Hộp số 4**

*“Hồi trước vua Gia Long từ Côn Đảo chạy ra đây là được cá Ông cứu, Ông cứu vua hai lần lận, lần đầu khi bị rượt thì vua chạy không đủ đồ ăn đem theo để nuôi quân, tới bữa hết sạch gạo muối rồi quân sĩ nhịn đói mấy ngày trời thì vua mới khẩn trời đất phù hộ, kiêu như là nếu ta có chân mệnh làm vua thì hãy cho ta và binh lính của ta có đồ ăn để thoát qua khỏi nạn này, khẩn xong thì có Ông nổi lên phun nước sau khi lận xuống ổng quẫy đuôi đập mạnh xuống mặt nước làm nước văng hết lên tàu, binh lính và vua mới thấy trên tàu có rất nhiều con cá nhỏ bằng ngón tay út đang nằm ngoe nguẩy trên sàn, vua kêu lính lấy ăn thay cơm, là con cá cơm của mình đó. Lần thứ hai, là sắp vô An Thới mình nè, tàu của vua gặp bão, rồi được cá ông kè vô tới mũi ông Đội, thoát chết”.*- Trích BBPV số 5.

Ở những địa phương khác cũng có truyền thuyết Nguyễn Ánh được cá Ông cứu, có giả thuyết cho rằng Nguyễn Ánh nhận thấy người dân vùng biển từ miền Trung đến Nam bộ đặc biệt tôn kính cá Ông và muốn nhận được sự giúp đỡ bảo bọc của người dân Đàng Trong nên đã cường điệu hóa việc được cá Ông cứu, để chứng tỏ rằng mình là người có chân mệnh Đế Vương, được thần thánh giúp sức để khôi phục cơ đồ nhà Nguyễn. Những truyền thuyết về cá Ông phò giúp Nguyễn Ánh phần nào đã khắc họa rõ nét tầm quan trọng trong tín ngưỡng thờ cúng cá Ông tại Phú Quốc.

Tín ngưỡng thờ cúng cá Ông nói chung là thờ loài cá voi, tuy nhiên trong quá trình chúng tôi đi điền dã tại lăng Ông An Thới thì nơi đây không chỉ thờ cá voi mà còn các loài động vật có vú dưới biển khác như cá Ông Sư, cá Nược Minh Hải. Các loại cá trên khi được ngư dân phát hiện đã lụy thì sẽ được đưa lên bờ gàn nhất và tiến hành mai tang, chôn cất. Ngay tại An Thới chưa có nghĩa trang chung cho cá Ông, nên việc chôn cất sẽ diễn ra ngay tại nơi ông lụy vào vì điều đó được cho là làm theo ý nguyện của cá Ông đó là được chọn chỗ để thác, trường hợp Ông mắc lưới ngư dân và mất thì xác sẽ được đưa vào Bãi Xếp nhỏ để trưởng vạn sắp xếp chỗ chôn cất và lên kế hoạch mai táng. Người đầu tiên phát hiện ông lụy sẽ đóng vai trò là trưởng nam, khác với một vài địa phương có thờ cá Ông hiện nay vì để thuận tiện công việc làm ăn nên rút ngắn thời gian để tang trước kia từ 3 năm xuống còn 1 năm, tuy nhiên việc để tang của trưởng nam tại bãi Xếp vẫn giữ nguyên là 3 năm và cũng không tránh vấn đề trùng tang trong trường hợp trưởng nam đó đang đội tang cha mẹ ở nhà. Việc cúng Ông thuộc về trưởng vạn thì bắt buộc vị đó phải không có tang ở nhà khi đứng cúng, trường hợp trưởng vạn đương nhiệm đột xuất có tang thì phải bãi chức để tìm người thay thế, điều đó được cho là sẽ làm Ông được nhẹ nhõm. (Theo BBPV số 5).

Lăng Ông Nam Hải An Thới được xây dựng trên một mỏm đá lớn với mặt hướng ra biển nằm ở ngay đoạn đầu của Bãi Xếp nhỏ, khu phố 2. Do mới được trùng tu và sửa chữa lại hồi năm 2018 nên lăng Ông đã khang trang hơn rất nhiều. Đây là Lăng Ông Nam Hải ở khu vực An Thới vì trên đảo Phú Quốc có rất nhiều nơi thờ cá Ông: “Để phân biệt, mỗi địa phương ghi trên bảng đề “Lăng Ông Nam Hải” kèm theo địa danh như lăng Ông



Nam Hải Đường Bào, lăng Ông Nam Hải Bàn Quý, lăng Ông Nam Hải Hàm Ninh”. ( Nguyễn Bình Phương Thảo, Nguyễn Thanh Lợi, 2016, tr.35).

Không giống như những địa phương khác có tục thờ cá Ông tại đảo Phú Quốc, ngư dân ở Bãi Xếp trước năm 1968 chỉ thờ cúng khẩn vái cá Ông trên ghe tàu mỗi khi ra biển, khoảng thời gian đó hằng năm ngư dân nào có nhu cầu cúng viếng Ông Nam Hải, thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng nghề cá phải thu xếp thời gian để đi dự lễ hội Nghinh Ông ở địa phương khác như ở Lăng Ông Nam Hải Dương Đông, Lăng Ông Đường Bào, Lăng Ông Hàm Ninh để. Việc thờ cá Ông trong đời sống tín ngưỡng của cư dân Bãi Xếp đã có từ lâu nhưng thời điểm đó vẫn chưa có nơi thờ cúng.

Đầu năm 1968, ngư dân đi biển thấy xác Ông lụy vào hòn Dừa đã báo cho ban quản lý Vạn Bãi Xếp. Thời điểm đó do hòn Dừa ít có người sinh sống, nguyên vật liệu xây dựng còn hiếm và việc chở vật liệu ra đó xây dựng còn khó khăn, đồng thời phương án đưa Ông vào trong An Thới chôn cất cũng không khả thi vì ghe tàu vận chuyển không đủ lớn để đưa chuyển xác Ông, nên ông L.P trưởng vạn Bãi Xếp khi đó quyết định làm lễ ma tang và chôn cất ông ngay tại Hòn Dừa đồng thời vận động bà con kinh phí để xây dựng Lăng Ông Nam Hải An Thới ở Bãi Xếp nhỏ nhằm để thỉnh cốt của Ông lớn vào thờ. (Theo BBPV số 5). Như vậy có thể xác định Lăng Ông của cư dân Bãi Xếp có từ năm 1968 và được xây dựng sau khi có Ông lụy vào địa phương.

Về tổng thể, lăng có nhà võ ca bao quanh là nơi thực hiện nghi lễ cúng kiếng hằng năm, xung quanh khuôn viên có hàng rào bao bọc xung quanh. Cổng chính được xây

dựng bằng bê tông với bảng ghi đề chữ “Lăng Ông Nam Hải”, với dưới cột là hai câu đối, từ phải qua trái (theo hướng lăng nhìn ra).

Cột phải: *Tứ Hải thân thông năng cứu độ*

Cột trái: *Ngũ Châu diệu pháp tiếng linh thiêng*

Do xây dựng trên mỏm đá nên vừa qua khỏi cổng phải di chuyển tiếp qua bậc thang tam cấp để lên được lăng tới cổng nhỏ để vào nhà võ ca. Bên tay trái là một trang thờ nhỏ có bài vị đề chữ Âm Hồn được viết bằng chữ quốc ngữ, phía trước là hai dòng đối, từ phải qua trái (hướng miếu Âm Hồn nhìn ra):

Cột phải: *Thập đạo cô hồn tử giáng lâm lai*

Cột trái: *Kiết tường hội hải cam lộ môn khai*

Bề mặt nhà võ ca chiếm 2/3 diện tích tổng thể và được lát hoàn toàn bằng gạch tàu. Phần mái của chánh điện được lợp bằng ngói, trên đỉnh được trang trí bằng biểu tượng lưỡng long tranh châu tạo vẻ uy nghi và trang nghiêm cho lăng. Bên trái là nhà kho và cổng sau, được che nắng bằng mái ngói vì đây là nơi cất giữ đồ đạc.

Di chuyển 3 bậc thang tam cấp sẽ lên điện thờ, vị trí này trang trọng được lát hoàn toàn bằng gạch bông, bên ngoài chánh điện hàng cột với 4 câu thơ đề cao công đức của cá Ông, kế đó là 2 tủ kiếng để đựng ngọc cốt của ông Lớn<sup>34</sup>. Bên trong cổng vào chánh điện là 2 câu thơ mà ngư dân An Thới thể hiện lòng tôn kính đối với thần Nam Hải. Từ phải qua trái (hướng chánh điện nhìn ra):

Cột phải: *An Thới xã ngư dân đồng phục lập*

---

<sup>34</sup> Ông Lớn là Ông được thỉnh vào thờ trong lăng đầu tiên. Lụy năm 1968.

*Cột trái: Tôn kính thờ Nam Hải độ an khương*

Ông Nam Hải được thờ ở giữa của chánh điện, với chữ Thần bằng tiếng Hán được sơn màu đỏ, bên trái trang thờ Ông là Tả Ban, Tiền Hiền, bên phải là Hữu Ban, Hậu Hiền. Nằm ngay bên cạnh của trang thờ Ông là hai tủ kính đựng ngọc cốt của 2 Ông nhỏ (Ông con).

Theo quan sát của chúng tôi khi khảo sát tại đây thì có tới 3 bộ ngọc cốt, trong đó lớn nhất là ngọc cốt của Ông lớn (không đầy đủ) với kích thước ước tính khoảng 10m<sup>35</sup>, đây là loài cá voi Brai<sup>36</sup>. Còn lại là ngọc cốt của 2 Ông nhỏ, bộ cốt còn nguyên vẹn chiều dài ước chừng 1m<sup>3</sup> theo ban tế tự thì đây là bộ cốt của cá Ông Sur<sup>37</sup>, nhưng còn nhỏ.

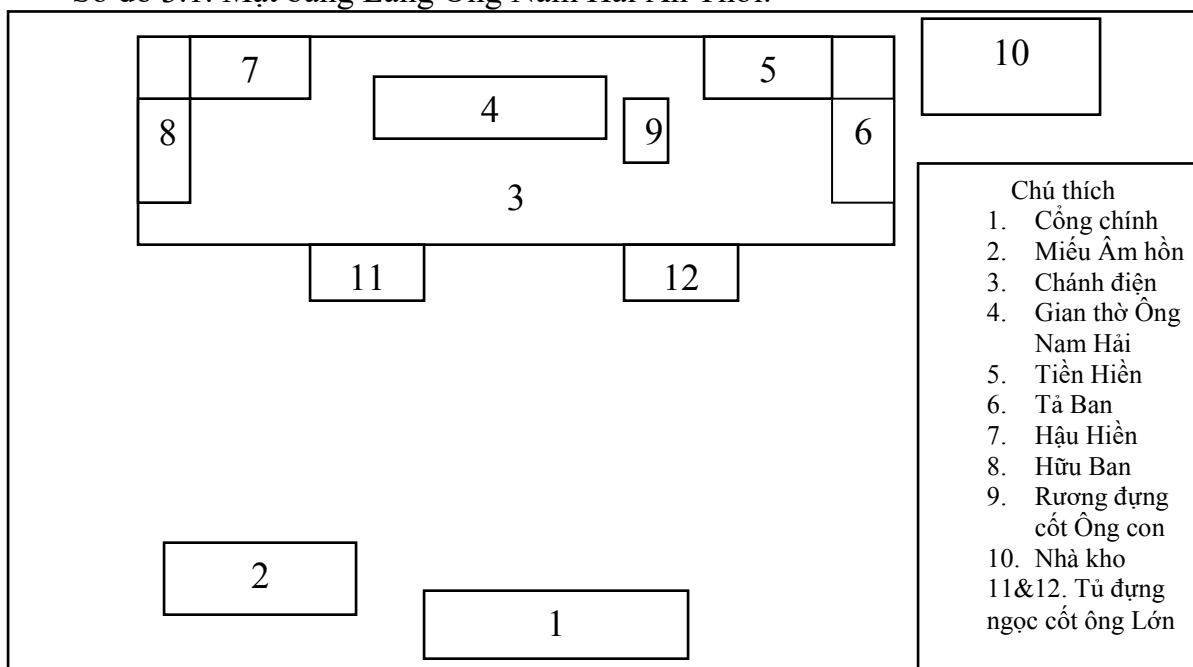
---

<sup>35</sup> Ước lượng của các đời trưởng vạn dựa theo bộ hàm dài gần 2m.

<sup>36</sup> Cá voi Brai có tên khoa học là *Balaenoptera edeni*, thường ăn các loại sinh vật phù du, tép nhỏ hoặc các loại cá cơm. Loài này thường sống đơn độc, vào các mùa sinh sản mới tụ tập thành bầy. Cá thể trưởng thành dài từ 10m – 15,6m; con non dài từ 3m – 4m. Đặc điểm nổi bật nhất của loài này là trên đầu có ba gờ nổi kéo dài từ chóp mõm đến lỗ thở. Ở khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang, có rất nhiều trường hợp cá voi Brai bị mắc cạn hoặc chết dạt vào bờ, nhiều ngư dân cho biết đã từng gặp loài này ở gần khu vực Vàm Rây, Phú Quốc và hòn Cổ Choang. Nguồn: Dự án bảo tồn các loài cá voi và cá heo khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang.

<sup>37</sup> Cá Ông Sur có tên khoa học là *Neophocaena Phocaenoides*, có đầu tròn và miệng ngắn. Trên lưng loài cá này không có vây như các loài cá lớn khác, thay vào đó là một đường rãnh dài chạy dọc từ vai đến gần đuôi, ở khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang thì loài này rất phổ biến, là một điểm đặc biệt là da của loài cá này có màu xám, nhưng sẽ chuyển thành màu đen khi cá chết. Ngư dân An Thới rất tôn kính loài cá này vì cho rằng với rãnh lưng dài như vậy thì loài này thường xuyên chở người gặp nạn trên biển, bộ cốt của cá Ông Sur khá giống với xương người với phần đầu tròn và đặc biệt khi “lụy” vào bờ thì không tanh, không hôi. Nguồn: Dự án bảo tồn các loài cá voi và cá heo khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang.

Sơ đồ 3.1. Mặt bằng Lễ Ông Nam Hải An Thới.



Tại đây, lễ Nghinh Ông diễn ra vào ngày 21 tháng 3 âm lịch, đây vốn là ngày thỉnh ngọc cốt của Ông lớn. Thông thường ngày ghe tàu vào bờ nghỉ trăng của ngư dân Bãi Xếp bắt đầu từ ngày 12 đến ngày 19 âm lịch, nhưng vì lễ Nghinh Ông tổ chức sau ngày ra biển nên đã có ý kiến xin đổi ngày Nghinh Ông sang ngày 16 tháng 3 âm lịch. Có thời gian lễ Nghinh Ông được đồng ý đổi sang tổ chức theo ngày 16 tháng 3 âm lịch, tuy nhiên những năm đó trong lúc làm lễ cúng (8 giờ sáng) vô tình thời tiết chuyển biến xấu, vì ban tế tự đã quyết định đổi lại thành ngày 21 tháng 3 như ban đầu vì cho rằng Ông không chấp nhận cho việc đổi ngày làm lễ. Chính vì chọn ngày như trên nên ngư dân Bãi Xếp trong tháng 3 âm lịch có tuần nghỉ trăng dài hơn các tháng trong năm từ ngày 12 đến 21 hoặc 22 tháng 3 âm lịch. Trong dịp này tận dụng tuần nghỉ trăng, ngư dân Bãi Xếp bỏ thời gian đến tham gia phụ giúp ban tế tự chuẩn bị trong những ngày diễn ra lễ hội Nghinh Ông như sơn phết, làm mới, bày trí cho lễ được trang nghiêm để chuẩn bị cho việc tổ chức

lễ hội, do không có đội Bả Trạo và đội ngũ phục vụ phần lễ, nên học trò lễ hoàn toàn là những người ngư dân Bãi Xếp đảm nhận theo sự phân công của ban tế tự, đây là dịp để ngư dân tham gia và bày tỏ lòng thành kính của mình đối với cá Ông thông qua việc hỗ trợ ban tế tự để lễ hội được diễn ra trang nghiêm và suôn sẻ, họ quan niệm những việc làm của mình sẽ được Ông Nam Hải chứng giám với niềm tin rằng Ông sẽ đáp lại tấm lòng thành và phù hộ độ trì cho họ trong quá trình mưu sinh bằng nghề cá.

Ngày 20 tháng 3 âm lịch (trước lễ Nghinh Ông một ngày), ban tế tự tập trung họp bàn, phân công việc cho kế hoạch cúng Ông như kiểm tra quần áo lễ, sớ, lễ vật trái cây, xôi chè, bếp núc, còn ngư dân thì đến hỗ trợ việc khuân bàn, ghế, quét dọn, sơn phết sửa chữa và trang hoàng lăng Ông lại để tăng thêm phần trang nghiêm cho lễ hội.

Lễ hội Nghinh Ông Nam Hải An Thới diễn ra trong ngày 21 tháng 3 Âm lịch với các nghi thức: Nghinh Ông, tế tiên Hiền, cầu quốc thái dân an, Thịnh Sanh, tế Âm hồn và lễ Chánh Tế. Do phần lớn dân cư ngay tại Bãi Xếp là những người gốc Quảng Ngãi, Quảng Nam nên nghi thức Bả Trạo là một trong những phần không thể thiếu trong lễ hội Nghinh Ông An Thới trước đây, tuy nhiên ngay thời điểm chúng tôi tiến hành khảo sát điền dã thì hình thức này không còn, nguyên nhân được đưa ra là thuở mới bắt đầu có làn sóng từ miền Trung vào sinh sống ngay tại đây, để gắn kết cộng đồng hơn thì lễ hội cá Ông được tổ chức rất hoành tráng trong hai ngày với đầy đủ các nghi lễ như Nghinh Ông, Nghinh thần Thành Hoàng, cầu quốc thái dân an, Thịnh Sanh, Tế Tiên hiền, tế Âm hồn, Chánh tế. Thời điểm đó ở Bãi Xếp có đội Bả Trạo vốn là một nhóm văn nghệ người gốc Quảng Nam đi theo và được đào tạo bởi một thầy đờn, họ vốn là những người đi biểu

diễn các chương trình hát xướng sân khấu trong những năm của thập niên 80 thế kỷ XX. Tuy nhiên hiện nay thì một phần những người kể trên đã cao tuổi hoặc qua đời và không có lớp kế cận, thế hệ trẻ An Thới ngày nay không còn mang nặng niềm tin tâm linh như trước vì càng ngày có xu hướng rời xa nghề biển, việc thuê đội bả trạo từ địa phương khác đến biểu diễn đã được tính đến, tuy nhiên do kinh phí không đủ nên đã gác lại phương án đó, vì thế khoảng hơn 20 năm trở lại đây, lễ hội Nghinh Ông An Thới đã không còn hình thức hát bả trạo. (Theo BBPV số 5).

Lễ Nghinh Ông là nghi thức quan trọng nhất trong ngày, ban tế tự (đứng đầu là trưởng vạn lâm thời) tiến hành rước Ông Nam Hải và các vị thần khác, nghi lễ được thực hiện ở trên bờ biển phía trước lăng, theo như thành viên của ban tế tự thì việc dùng ghe đưa linh vị cá Ông ra biển tổ chức cúng tế rồi rước ông vào rất mất thời gian và công sức và lãng phí, vì phải tiến hành rất nhiều nghi thức trong một buổi sáng nên các nghi lễ ở đây phải được rút ngắn và tiết kiệm thời gian cũng như kinh phí. Sau khi rước Ông, chủ tế dâng rượu lên bàn hương án và bắt đầu đọc văn tế, với nội dung ca ngợi công đức đã cứu độ ngư dân bằng tấm thân của mình và đồng thời thể hiện lòng tôn kính tuyệt đối của ngư dân đối với thần Nam Hải. Kết thúc văn tế, chủ tế kính cẩn xá lạy và dâng hương.

Tiếp đến là nghi lễ cúng Tiền Hiền, Hậu Hiền để bày tỏ lòng biết ơn đối với các bậc có công khai phá vùng đất mới để con cháu sau này có chỗ an cư, lạc nghiệp, nghi lễ này diễn ra trong chánh điện với việc dâng đồ cúng, dâng hương, xá lạy. Cúng Âm Hồn cũng diễn ra trong khuôn viên của Lăng Ông, cụ thể là trong sân, sau hồi chiêng và trống chủ tế tiến hành thắp hương khăn vái, xá lạy khắp bốn hướng, rải gạo và muối xuống đất,

kết thúc cúng Âm Hồn bằng đốt vàng mã tượng trưng. Việc cúng Âm hồn thể hiện sự sẻ chia đối với những người khuất mặt khuất mày, cô hồn lang thang hay đặc biệt hơn là những người được cho là “chết sông chết biển” có ảnh hưởng đến việc đánh bắt và sinh sống bằng nghề biển.

Thỉnh sanh là nghi lễ dâng tế sinh mạng cho các đấng siêu nhiên trong các dịp lễ hội Nghinh Ông, dùng những con vật còn sống, thông thường là heo. Trong khi thực hiện nghi lễ này, một con heo sẽ bị giết để dâng lên cho thần linh. Tuy nhiên ngay tại Bãi Xếp thì nghi lễ này được hiểu một cách khá mơ hồ, vì thế thay vì dùng con heo sống để tế sống thì ban tế tự sẽ dùng heo đã mổ sẵn đặt nằm sấp lên bàn để tiến hành nghi lễ, hoàn toàn không có cảnh giết choc, việc này được giải thích rằng đó là nghi lễ tế thần bằng cách cúng một con heo vừa mổ, thịt còn tươi. Có lẽ họ đã biến tấu nghi thức Thỉnh Sanh theo một hình thức khác tương tự cho phù hợp.

Sau Thỉnh Sanh sẽ tiến hành ngay nghi thức Chánh Bái xin trình báo với thần Nam Hải, thần linh, các đấng siêu nhiên tham dự đã đến lúc phần lễ kết thúc. Đại diện ban tế tự thay mặt cảm ơn những người đã đến dự và mời bà con nán lại để dùng bữa cơm, với các món được chế biến dùng để cúng trong suốt cả buổi lễ diễn ra, đây được xem như phần hội kéo dài từ 12 giờ trưa cho đến 16 giờ chiều nhằm đón tiếp các quan khách, những người ngư dân, mạnh thường quân... đến viếng và gửi tiền công đức.

Nghinh Ông An Thới được xem là lễ hội nghề nghiệp chính của ngư dân, là dịp để những người làm nghề cá có sự gắn kết với nhau hơn. Tăng cường nhận thức của ngư dân trong khi nghề nghiệp chính của họ là lênh đênh ngoài biển khơi, luôn gặp bất trắc, nguy

hiềm nên việc đặt niềm tin vào thể lực siêu nhiên như cá Ông đã trở thành chỗ dựa tinh thần không thể thiếu đối với cộng đồng nghề cá nói chung.

Bãi Xếp với hầu hết cư dân đều làm nghề biển, việc ra khơi và không may gặp những bất trắc, rủi ro xảy đến là điều không tránh khỏi, rất nhiều ngư dân trên đảo đã từng rơi vào cảnh đói mặt với sóng to, gió lớn ngoài biển, đứng trước việc không còn cơ hội sống sót để quay về với người thân, họ chỉ có một niềm tin duy nhất đó là cầu xin và phó thác mạng sống của mình vào cá Ông. Có nhiều câu chuyện dân gian và nhân chứng đã kể lại những lần Ông cứu ngư dân thoát nạn trong nhiều tình huống khác nhau, tuy nhiên đều có một điểm chung đó là sự mơ hồ trong nhận thức của họ khi ấy, một cảm giác thực thực ảo ảo mà theo ngư dân cho rằng đó là khi con người tiếp xúc với phép thuật, ở đây ám chỉ bùa phép của thần Nam Hải.

### **3.1.2. Tín ngưỡng thờ Bà Cậu**

Cùng với thờ cúng Cá Ông thì đây là tín ngưỡng phổ biến nhất của những người làm nghề biển tại Phú Quốc. Hầu hết các ghe đánh bắt xa bờ đều có bàn thờ Bà Cậu và không thể thiếu việc cúng kiếng thường xuyên mỗi khi ra biển. Theo Trương Thanh Hùng (2012), sự may rủi và thành bại trong nghề cá của ngư dân đều được quyết định bởi Bà Cậu.

“Bất kỳ một người nào khi đóng ghe đánh bắt hay dân thương hồ đều phải vái van Bà Cậu phù hộ, độ trì. Nếu có một chuyến ra khơi đánh bắt trúng thì cũng coi đó là nhờ Bà Cậu độ. Nếu có sự cố trong việc ra khơi, hay thất bát thì cũng cho là Bà Cậu quở, Bà Cậu không cho... Bà Cậu không có một ngày thờ cúng nhất định, mà



trước khi ra khơi hay đánh bắt trứng trở về, khi hạ thủy ghe... người ta đều cúng Bà Cậu”. (tr.110, 111)

Có nhiều giả thiết cho rằng, cư dân miền Trung đã chịu ảnh hưởng văn hóa của người Chăm, họ đồng hóa Bà Thiên y Ana với nữ thần sóng biển, tức Thủy Long Thánh Mẫu. Còn Cậu là hai vị công tử bao gồm cậu Tài và cậu Quý, con trai của Bà, hóa thân từ Thiên y Ana. Tín ngưỡng thờ Bà Cậu rất đặc trưng và phổ biến đối với ngư dân Phú Quốc, tuy nhiên sự hiểu biết về gốc tích đối với Bà Cậu của ngư dân lại không rõ ràng, có người cho rằng Bà Cậu là cách gọi chỉ Thủy Long Hà Bá. *Trong đó người dân quan niệm Thủy Long Thần Nữ/ Thủy Long Thánh Mẫu là vị nữ thần mình rắn đuôi rồng, có quyền uy tối cao đối với các loài vật dưới biển. Bà là con gái đầu của vua Thủy Tề, cùng với 8 anh em, mỗi người trấn cứ một phương* (Nguyễn Diệp Mai, 2011, tr172). Còn Hà Bá được cho là một vị thủy thần có giới tính nam, đóng vai Cậu. *Hà Bá là một “thần chức”, truyền rằng Phùng Di là vị quan có tài trị thủy giỏi, ngày tháng Tám khi đi ngang cửa sông bị dầm thuyền chết. Trời bèn phong cho ông làm Hà Bá – thần sông* (Nguyễn Hữu Hiệp, 2015, tr.18). Theo quan niệm của ngư dân Bãi Xếp, Bà Cậu bao gồm 2 người đó là Thủy Long Thánh Mẫu và Hà Bá phù hộ độ trì cho những người làm nghề bọ nước. Ngư dân nơi đây cho rằng, họ không biết bà Thiên Y Ana và cậu Tài cậu Quý, họ chỉ biết một cách mơ hồ Bà Cậu là vị thần biển gắn liền với những đặc điểm như sự hiện diện ngoài biển khơi mà điển hình ở đây là Công chúa Thủy Tề (Thủy Long Thánh Mẫu) và Hà Bá.

Khác với tín ngưỡng thờ cá Ông, Bà Cậu ngay tại Bãi Xếp không có cơ sở thờ tự, cúng kiếng. Ngư dân thực hiện việc cúng kiếng hoàn toàn ở trên ghe, đối với ghe nhỏ thì

diễn ra trước khi xuất hành, thường là vị trí thờ cúng là ở phía trước ngay mũi, ghe lớn thì nơi thờ Bà Cậu được đặt vị trí trang trọng trong khoang lái. Trong đời sống tâm linh của ngư dân, Bà Cậu là vị thần biển phù hộ độ trì cho “làm trúng bán đắt”, “đi sao về vậy” ngoài việc cúng báo cáo trước khi xuất hành, thì hầu như các ghe lớn có trang thờ đều cúng Bà Cậu mỗi ngày trước khi dùng cơm<sup>38</sup>, nhang khói trên trang thờ Bà Cậu hầu như ngày nào cũng được thắp, gặp chuyện không may cũng thắp gọi là để xả xui, hoặc khi trúng một mẻ lớn đột xuất họ cũng thắp để tạ ơn, và thắp để van vái được an toàn lúc đối mặt với những lúc nguy hiểm. Bà Cậu cũng được xem như là tổ nghiệp của những người làm nghề cá, vì ngoài những ngư dân trực tiếp đánh bắt trên biển, thì những người như đầu nậu thu mua, nghề thủ công chế biến hải sản như làm khô, nước mắm, ghe chở dầu, chở nước đá, nước ngọt, nuôi cá lồng bè, đan lưới... đều xem Bà Cậu như một vị thần quyền năng giúp họ có thể duy trì được cuộc sống hằng ngày thông qua nghề cá.

#### **Hộp số 5**

*H: Mục đích chính của ngư dân trong việc thờ cúng này là gì bác?*

*TTV: Trước tiên và quan trọng nhất là an toàn, đi sao về vậy, có sức khỏe, có bạn bè cũng như ghe chủ là được an toàn trên biển những ngày hành nghề trên biển, thứ hai là được nhiều tôm cá, trong đó có cái làm may bán đắt nữa, làm trúng mà lại về bán đắt nữa, có nghĩa là ngoài đi biển trúng thì về còn phải bán được nữa.*

*H: Vậy khi mình gặp bất trắc trên biển thì mình có khẩn vái cầu xin gì nữa không bác?*

*TTV: Có chứ, chẳng hạn máy hư thì mình khẩn nhờ thần Nam Hải, nhờ bà Thủy Long Hà Bá, nhờ cô hồn các đảng phù hộ cho ghe tui trôi về tới nơi đó địa chỉ đó vậy đó.*

Trích BBPV số14.

<sup>38</sup> Trước bữa cơm, tài công sẽ bói 3 chén cơm lưng và thức ăn dâng lên trang thờ và thắp hương, gọi là cúng Bà Cậu.

### 3.1.3. Kiêng kỵ trong nghề biển ở Bãi Xếp

Do môi trường đẻ mưu sinh của cư dân Bãi Xếp chủ yếu là biển, vốn là nơi tồn tại nhiều bất trắc và rủi ro nên đời sống tâm linh của ngư dân nơi đây khá phong phú với nhiều quy ước được đặt ra, xem đó như là nguyên tắc bất thành văn và được giới đi biển chấp nhận với những quy ước ngầm đó. Chiếc ghe là phương tiện quan trọng nhất đối với người dân biển nơi đây. Là nơi cư trú của họ trong những ngày tháng lênh đênh trên biển. Do vậy, ghe tàu không chỉ là phương tiện đánh bắt trong công cuộc mưu sinh mà còn là mái nhà che chở họ.

Phụ nữ từ xa xưa đã được nhắc tới rất nhiều trong những vấn đề thiên về tâm linh, kiêng kỵ. Người xưa cho rằng phụ nữ xui xẻo và dơ bẩn do họ có chu kỳ kinh nguyệt và sinh nở do thiên chức làm mẹ. Vì thế, trong một môi trường nặng về tâm linh như việc đi biển cũng xuất hiện không ít những quy ước kiêng kỵ đối với phụ nữ. Theo tác giả Phan Thị Kim cho rằng: “Từ trước đến nay, có lẽ xuất phát từ quan niệm Nho giáo trọng nam khinh nữ, người Việt Nam có nhiều quan niệm hà khắc đối với phụ nữ, nhất là trong vấn đề tín ngưỡng. Người phụ nữ là cái gì đó dơ bẩn, sẽ làm ô uế chốn linh thiêng...”(tr.191). Tuy nhiên, do ngày nay vai trò của người phụ nữ trong xã hội được nâng cao, bình đẳng giới phổ biến hơn cùng với việc trang thiết bị hiện đại hơn, nguy hiểm trong nghề đi biển cũng giảm, nên việc kiêng kỵ phụ nữ đối với ghe tàu chỉ ở một mức nhẹ nhàng hơn chứ không còn khắt khe như trước. Phụ nữ do đặc tính sinh học và thể trạng không thể đi biển được như đàn ông, việc họ có liên quan đến biển chỉ có thể thông qua các hoạt động trên

bờ như mua bán, dịch vụ hậu cần, hoặc là có quan hệ vợ chồng với người đi biển. Những kiêng kỵ về phụ nữ trong nghề biển tại Bãi Xếp được quy định ngầm như sau:

Phụ nữ đang có bệnh tật, ốm đau, bệnh phụ nữ và có kinh thì bị cho là dơ bẩn không được xuống ghe. Tuy nhiên vấn đề có kinh hiện nay là vấn đề tế nhị, vì có nhiều công việc trên ghe đòi hỏi chỉ có thể là phụ nữ làm, như nghề vá lưới<sup>39</sup>, nếu có kinh nhưng che nịt và vệ sinh sạch sẽ thì vẫn được lên ghe.

Do thiên chức làm mẹ nên sinh nở cũng là vấn đề kiêng kỵ trong đi biển vì bị xem là dơ bẩn sẽ mang đến xui xẻo. Người vợ mới sinh nếu người chồng là ngư phủ không ở gần và chăm sóc vợ sau khi sinh thì vẫn có thể xuống ghe bình thường, nguyên nhân được cho là người chồng không bị ảnh hưởng bởi những thứ được cho là dơ bẩn từ người vợ trong quá trình sinh nở (Phòng theo lời thông tin viên LVS từ BBPV số 12), nhưng nếu có vào thăm và chăm sóc vợ lúc sinh, thì phải sau 3 tháng 10 ngày<sup>40</sup> mới được xuống ghe đi biển trở lại. Trường hợp người vợ bị hư thai thì cấm tiệt chồng xuống ghe, vì có quan điểm cho rằng người chồng lúc đó sẽ mang theo cái vong của thai nhi xuống ghe, người xưa quan niệm là 4 mắt, vong đó sẽ quấy nhiễu, phá phách mang tới những điều xui xẻo, hư thai là trường hợp kiêng kỵ rất nặng, dân biển cho rằng đó là sự uế oan. Tang tóc là điều mang lại màu sắc u buồn, không may, vì thế việc đi biển cũng rất kiêng kỵ vấn đề này, một ngư dân khi nhà đang có tang của người thân, ruột thịt sống cùng như cha mẹ, anh chị, con cái hoặc vợ sẽ không được xuống ghe đi biển đánh bắt 3 tháng 10 ngày. Đối

---

<sup>39</sup> Thông thường khi hết mùa cá, lưới sẽ được mang về nhà cho chủ ghe đi vá, tuy nhiên cũng có trường hợp lưới bị hỏng hóc trong mùa cá, bắt buộc chủ phải cho thuê người lên ghe để vá, nghề sửa và vá lưới ở Bãi Xếp đa số là phụ nữ đảm nhiệm.

<sup>40</sup> 100 ngày theo cách tính của ngư dân Bãi Xếp, gọi là 3 tháng 10 ngày cho tiện cộng vào tháng các tháng tiếp theo để nhớ ngày đi biển trở lại.

với nghề đóng ghe tàu, người thợ không được tham gia vào bất cứ công việc gì trong quá trình đóng ghe khi đang đội tang, đặc biệt là trong khâu ghim lô, những người có tang cũng không được phép có mặt, vì họ quan niệm chiếc ghe là tài sản, phương tiện mưu sinh đồng thời cũng là nhà của ngư dân ở trên biển, việc đang đội tang mà xuất hiện lúc ghim lô sẽ mang đến cái xui xẻo, ghe đó sẽ không làm ăn được.

Nếu ngư dân đã lỡ bước lên ghe trong khi họ có phạm những trường hợp kiêng kỵ nêu trên thì phải báo ngay cho chủ ghe để làm lễ cúng và thực hiện nghi thức tẩy uế. Chủ ghe sẽ hái các loại lá có gai như lá mai, thông, tùng,... và các loại có mùi thơm như củ sả, lá bồ bồ, lá gừng, tía tô,...tổng cộng là 12 loại bỏ vào nồi lớn nấu nước, cho thêm muối rồi dùng hỗn hợp dung dịch đó tạt lên hết mọi góc ngách kẽ hở trên ghe, họ quan niệm cái gai góc của lá có tác dụng trừ tà, mùi thơm giúp tẩy uế. Trường hợp phát hiện ở ngoài khơi, không thể đi hái các loại lá để nấu nước tẩy uế, tài công hoặc chủ ghe sẽ tiến hành cúng và đốt phong long bằng những vật liệu có sẵn trên ghe<sup>41</sup>.

Lệnh đêngh trên biển để đánh bắt là công việc thường xuyên xa nhà, nên ngư dân Bãi Xếp khi đi biển cũng phải chuẩn bị đồ dùng mang theo để có thể thuận tiện cho việc sinh hoạt trên ghe. Thông thường là ngư cụ, thuốc men, lương thực... Tuy nhiên trong đó cũng có những thứ không được mang lên ghe tàu vì kiêng kỵ. Có thể ví dụ như việc ngư dân không mang hoặc cúng quả chuối vì họ cho rằng đây là từ có âm gần với từ “chúi”, điều này sẽ làm ghe “chúi đầu, chúi mũi không góc đầu lên được”(Theo BBPV số 12) sẽ mang lại xui xẻo cho việc đánh bắt, hoặc như quả hồng xiêm cũng không được mang lên

<sup>41</sup> Trộn hỗn hợp long não, ớt, muối và mang xuống hầm ghe đốt. Long não có mùi thơm và muối có tác dụng làm sạch sẽ những ô ւế, ớt cay nóng sẽ xua được âm khí. Những tiếng nổ tí tách từ việc đốt cháy hỗn hợp đó có tác dụng xua đuổi ma quỷ và những điều xui xẻo.

ghe, do có tên khác là Sa – pô – chê<sup>42</sup>, dân đi biển rất kỵ từ “chê”, họ cho rằng hành động chê khi đi biển có thể làm Bà Cậu quở (Theo BBPV số 12). Đó là những kiêng kỵ xuất phát từ việc có những vật dụng gần như đồng âm với những sự việc có tác động tiêu cực trong hoạt động mưu sinh của ngư dân. Điển hình như chó mèo, ngư dân Bãi Xếp quan niệm “mèo đến nhà thì khó, chó đến nhà thì sang” cũng bởi do tên gọi và tiếng kêu của 2 loài động vật này, trước đây họ ngại để mèo đến ghe hoặc trèo lên ghe, vì mèo có tiếng kêu và tên gọi gần giống như “nghèo” nên chỉ cần họ thấy mèo bén mảng gần khu vực đóng hoặc sửa chữa ghe tàu thì sẽ tìm mọi cách để đuổi nó đi, còn chó thì tên gọi có âm nghe như “có” và tiếng sủa có âm nghe như “giàu”, tuy nhiên đây chỉ là quan niệm riêng, không phải vì như thế mà ngư dân ai cũng mang chó theo để gặp may mắn, việc chó hiện diện trên ghe, hoặc trên những lồng bè nuôi hải sản là do không kiêng kỵ nên được mang theo lên những phương tiện ấy tại Bãi Xếp.

Những hành động được xem là không mang lại may mắn của ngư dân trên ghe cũng rất được chú ý để tránh phạm phải như việc để rớt dao xuống biển, ngư dân ở Bãi Xếp quan niệm rằng dao là vật dụng sắc bén, ngư cụ đa số làm từ các loại dây, cước, nơm như lưới, dây câu, việc có dao ở dưới biển sẽ cắt rách lưới và làm đứt dây câu, đó là điềm không may. Ngoài ra dao là vật dụng có sát khí cao, người đi biển nhận ơn của biển thì phải tỏ lòng biết ơn, làm rớt dao xuống được xem là hành động chống lại biển, điều đó sẽ làm các vị thủy thần nổi giận không cho cá nữa.

---

<sup>42</sup> Sapotier (tiếng Pháp)

**Hộp số 6**

*Cây dao rớt xuống biển là rất xui, có khi chiếc ghe đó phải trở biển cả tháng hoặc 2 – 3 tháng luôn. Trích BBPV số 12.*

Đối với trường hợp này thì ai trên ghe làm rơi phải báo cho chủ để nhanh chóng làm lễ cúng xin vớt lại con dao. Nghi thức cúng phải được diễn ra ở chỗ nước biển cạn, đồ cúng bao gồm tam sên, trái cây, nhang đèn, một con dao giả bằng gỗ. Chủ ghe hoặc tài công sẽ thả con dao giả bằng gỗ xuống biển rồi bắt đầu khấn vái, trước là xin tạ lỗi vì đã sơ suất làm rơi con dao mạo phạm đến Bà Cậu, Cô Bác, đức Ông,... sau là xin cho phép nhặt lại con dao để có thể được đi biển xuôi chèo mát mái, ngư cụ, dây lưới, nhợ không bị đứt, hư hao khi đánh bắt. Khấn xong sẽ nhảy xuống biển nhặt lại con dao giả bằng gỗ, như là để báo cáo việc xin chuộc lại con dao thành công.

Hành động kiêng kỵ được cho là có nhiều ngư dân trẻ tuổi lúc vừa mới bắt đầu theo ghe đi biển mắc phải đó là việc bỏ cá trở lại xuống biển vì không được ai cho biết trước hoặc cũng có trường hợp vì mâu thuẫn trong việc sinh hoạt, dẫn đến giận dỗi, mích lòng nhau nên quăng bỏ cá xuống biển, đó là lý do tài công khi chọn bạn đi biển phải là người biết giữ hòa khí cho các bạn ghe, tránh trường hợp xích mích, cãi vã dẫn đến điều cấm kỵ.

**Hộp số 7**

*TTV: Còn cái nữa mà bác thấy mấy thằng đi bạn còn trẻ hay bị, đó là quăng cá xuống biển. Ví dụ như con cá đó xấu đi nữa thì cũng phải giữ nó lại, chứ mà ném nó đi thì người ta nói là mình bội bạc, khi dễ con cá dờ tại anh con cá dờ mình không lấy mà lấy con cá ngon, từ đó sinh ra chuyện mình sẽ làm ăn không được, dù mình câu được con cá đó nó có ít tiền thì vẫn lấy, tại sao câu cá nhiều tiền thì lấy mà cá ít tiền thì không lấy?*

*H: Vậy thì mấy con cá chưa đủ lớn thì sao bác?*

*TTV: Cũng lấy hết, hỏi bác làm mành đó là từ nhỏ nhất là con ruốc cũng lấy, nhưng*

*mà xúc xong mà đổ xuống biển coi chừng là làm không được nữa đó. Bởi vậy nếu không thích thì để nó nằm đó, đi cho người khác chứ đừng bỏ xuống biển, chỉ trừ trường hợp như thế này, nếu ghe đó là ghe khảo sát bảo vệ nguồn lợi thủy sản thì người ta câu lên không đúng kích cỡ thì bỏ xuống. Còn dân làm biển này là không được, đánh bắt được là phải lấy, còn không lấy thì ơn trên người ta trách, kiểu như cho mà không nhận, bắt buộc dờ cũng lấy mà quý cũng lấy. Trích BBPV số 14.*

Việc thả cá xuống biển được xem là hành động phụ lòng Bà Cậu cho cá, như vậy chuyến đi sẽ khó khăn, và bị Bà Cậu quả trách, vì thế khi đi đánh bắt dù là bất cứ những loại hải sản nào thì cũng phải giữ lại, không dùng vào việc này thì sẽ dùng vào việc khác. Có lẽ chính những quan niệm như thế này đã làm cạn kiệt nguồn hải sản do đánh bắt tận diệt không có chọn lọc.

Bảng 3.1. Đời sống tâm linh của ngư dân Bãi Xếp trong nghề biển.

<b>Đời sống tâm linh của ngư dân đi biển.</b>	
<b>Tín ngưỡng</b>	Tín ngưỡng thờ cá Ông và lễ hội cầu ngư.
	Tín ngưỡng thờ Bà Cậu.
<b>Kiêng kỵ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ nữ: Kinh nguyệt, thai sản, hư thai...</li> <li>- Tang ma.</li> <li>- Từ ngữ: những từ mang ý nghĩa tiêu cực, xui xẻo trong nghề cá.</li> <li>- Hành động: rơi dao, bỏ cá.</li> </ul>

Đời sống tâm linh của ngư dân tại Bãi Xếp hiện nay có những biến đổi nhất định trong cách nhìn nhận và thờ cúng. Trường phái chức năng của Malinowski trong quá trình nghiên cứu về người dân đảo Trobriand chỉ ra rằng ngư dân ra biển đánh cá phải đối mặt với rất nhiều bất trắc rủi ro về tính mạng đến từ môi trường tự nhiên, họ không đủ niềm tin vào sức mạnh và khả năng của mình, khi đó sẽ cậy nhờ vào bùa chú và cúng kiếng. Có 2 quan điểm để lý giải đời sống tâm linh của ngư dân Bãi Xếp, thứ nhất là do cộng đồng



dân cư, đa phần là người gốc miền Trung đã quen với môi trường sinh sống cận duyên và mục đích di cư đến đây sinh sống cũng là để mưu sinh bằng nghề cá, thứ hai là do để thích nghi với điều kiện địa lý tự nhiên của môi trường sống hiện tại, vốn tồn tại những bất trắc, rủi ro riêng biệt không giống với những vùng biển khác.

Nhận định của Malinowski nhấn mạnh đến hành vi tâm lý tự trấn an bản thân để tránh được những rủi ro, mong được an toàn tính mạng trong việc mưu sinh trên biển *“ma thuật cung cấp cho người nguyên thủy một số hành động và niềm tin nghi lễ có sẵn với một phương pháp trí tuệ và thực tiễn rõ ràng. Nó tạo thành cây cầu bắc qua những lỗ hổng nguy hiểm trong mỗi cuộc đời rượt đuổi quan trọng hoặc tình huống quyết định”* (Malinowski, bản dịch của Dương Bích Hạnh 2006, tr.216). Sự hiện diện của tín ngưỡng bản địa như tục thờ cá Ông hay tục thờ Bà Cậu là sự lý giải cho nhận định đó. Tuy nhiên tác động từ yếu nghề nghiệp mà ở đây là nghề cá đã phần nào làm biến đổi những hành vi trong hoạt động tín ngưỡng.

Rủi ro trong nghề biển từ xưa đến nay mặc được mặc định là những nguy hiểm đến tính mạng, điển hình như việc đánh bắt trong giông bão, chìm ghe, bốn bề là biển cả, con người không đủ sức mạnh để có thể tồn tại trong tình thế ấy, và từ đó hành vi cầu khẩn các đấng siêu nhiên diễn ra. Ngày nay các phương tiện đánh bắt đã hiện đại hơn do kỹ thuật đóng ghe tàu được cải tiến, các trang thiết bị, máy móc, điện đàm cùng với việc chấp hành đúng quy định của cơ quan chức năng về an toàn nghề cá, quá trình đi biển đã trở nên ít nguy hiểm hơn rất nhiều nếu xét về khía cạnh nhân mạng, vì thế đối với cư dân vùng biển như Bãi Xếp hiện nay, rủi ro trong đi biển không chỉ là tính mạng con người

nữa mà đó còn là những thiệt hại về tài sản, tiền của như việc hỏng hóc ghe, máy hoặc cụ thể hơn là thất thu trong việc đánh bắt. Chính vì thế việc thờ cúng các vị thủy thần phù hộ nghề cá hiện không còn quá quan trọng chức năng che chở tính mạng mà chú trọng hạn chế rủi ro về tài sản. Điều đó được thể hiện trong lời khẩn của ngư dân trước khi đi biển, ngoài việc khai tên tuổi, số ghe thông báo ngày giờ xuất hành, cầu xin *được an toàn, đi sao về vậy, có sức khỏe, có bạn bè cũng như ghe chủ là được an toàn trên biển những ngày hành nghề trên biển, thứ hai là được nhiều tôm cá, trong đó có cái làm may bán đắt nữa, làm trúng mà lại về bán đắt nữa, có nghĩa là ngoài đi biển trúng thì về còn phải bán được nữa.*(Theo BBPV số 14).

Chính vì có sự thay đổi trong hành vi thờ cúng, dẫn tới các đối tượng sinh hoạt tín ngưỡng cũng thay đổi theo, những người làm dịch vụ du lịch ở Bãi Xếp cũng đặt niềm tin vào các vị thủy thần với hy vọng chuyến đi được suôn sẻ, đơn vị tổ chức kiếm được nhiều tiền từ khách du lịch<sup>43</sup>(Theo BBPV số 14). Những đối tượng làm nghề cá nhưng không trực tiếp đi biển như đầu nậu thu mua<sup>44</sup>, những người làm nghề thủ công như chủ nhà thùng nước mắm, sản xuất ngư cụ... vì công việc mưu sinh của họ phụ thuộc rất nhiều vào việc đánh bắt, khai thác hải sản hiệu quả, vì lẽ đó các đối tượng này từ việc chỉ xem hành vi thờ các vị thủy thần như hình thức cầu an thì nay lại xem nó như hình thức cầu tài lộc.

---

<sup>43</sup> Một hình thức cầu tài lộc.

<sup>44</sup> Đầu nậu cho ngư dân vay một số tiền lớn để trang trải chi phí ra khơi mà không hề có giấy tờ, nếu ngư dân gặp tai nạn bất trắc không trở về thì đầu nậu mất trắng số tiền đó.

**Hộp số 8**

*Mấy người ở trên bờ mà có liên quan tới nghề đi biển cũng cúng chớ con, người ta cúng cũng cầu khẩn cho người đi biển gặp an toàn, trời yên biển lặng, làm trúng bán đắt. Chứ thí dụ đầu nậu mua cá mà ngư dân đi biển gặp nạn hay không có cá thì đầu nậu cũng đâu có cá để bán lại. Rồi nghề vá lưới, ghe tàu đi biển không có người ta bỏ nghề thì nghề vá lưới cũng đâu sống được, nghề làm khô làm mắm không có cá thì sao người ta mua để làm mấy cái đó, nói chung không đi biển nhưng liên quan tới nghề đi biển là thờ cúng hết. Cúng Bà Cựu coi vậy mà cúng miết, hơn cả đi xe trên bờ. Trích BBPV số 14.*

Như vậy, việc thờ cúng các đấng siêu nhiên trong quá trình đi biển tại Bãi Xếp tuy có biến đổi hoặc hình thành thêm một chức năng khác nhưng vẫn được duy trì và đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của cư dân. Cũng chính vì có sự thay đổi chức năng của tín ngưỡng trong đời sống tâm linh mà các hành vi kiêng kỵ trong đi biển vẫn được chú trọng, vì có liên quan đến rủi ro về tài sản như việc trở biển, thâm hụt chi phí, không làm ăn được...(theo BBPV số 12).

**3.2. Đời sống xã hội của cư dân****3.2.1. Tổ chức vạ Bãi Xếp**

Vạ là tổ chức quan trọng trong đời sống của ngư dân. Không chỉ đơn thuần là một cộng đồng cư dân sống bằng nghề chài lưới đánh cá mà đây là tổ chức kinh tế - xã hội quan trọng bậc nhất của một làng chài từ thời xa xưa. Mọi thành viên vạ chài đều có trách nhiệm hỗ trợ nhau lúc khó khăn, từ công việc, sinh hoạt hằng ngày đến các nghi lễ, hoạt động tín ngưỡng.

Đứng đầu là vạ trưởng, đóng vai trò là chủ tế trong các nghi thức và lễ hội liên quan đến nghề cá, ngoài ra là người có tiếng nói nhất nhất trong việc trực tiếp quản lý ghe tàu, ngư dân. Ngay tại Bãi Xếp, việc bầu vạ trưởng hiện nay diễn ra theo nhiệm kỳ 4